



Cuò c Chiò n Viò t
Nam

KHI ĐÒ NG MINH THÁO CHÒ Y

Phò n II - Chòò ng 5

THÂN PHÒ N TIÒ U QUÒ C

Tò túc tò còò ng

Vào lúc tám giờ sáng ngày 28 tháng Giêng 1973, tò ng đò t rò i lò i tò ng đò t, tiò ng còi tàu Hò i Quân Viò t nam đò c cò ng Sài gòn rú lên, xé tan màn sòò ng buò i ban mai. Khi còi ngò ng, chuông nhà thờ lò i tiò p theo, ngân vang khò p đó đây, làm tăng thêm bò u không khí náo nhiò t cò a đô thành ngày hôm ò y.

Dù chò ng biò t thò c hò ra sao, ta cò ãn mò ng đi đã. Hiò p đò nh Paris ký rò i, chiò n tranh chò m đò t. Tò góc đòò ng Phan Đình Phùng khu Đa Kao, đài phát thanh phóng ra bài ca oai hùng "Viò t nam, Viò t nam nghe tò vào đò i". Nhiò u nhà mò loa cho lò n, đòò ng nhò muò n át đi tiò ng ca ai oán vò ng lên tò radiò nhà bên cò nh: "Anh trò vò trên đò i nò ng gò ... anh trò vò dang đò đò i em..." Hy vò ng rò ng tò nay, nhò ng chiò c bắ ng ca không còn phò i chò vò trên trò c thẳng sò n mò u tang trò ng.

Dân chúng đô thành tò m gác mò i nò i lo âu sang mò t bên. Không khí ò nhò ng quán cà phê trò nên nhò n nhò p. Lò nh giờ i nghiêm nò a đêm chò đòò c thi hành mò t cách lò ng lò o và phòng trà đã bò t đò u mò cò a lò i. Nha Du Lò ch sò a chò a khách sò n Majestic, làm thêm mò t quán ngoài vò a hè quay ra bò sông, hò t sò c thò mò ng. Chiò u chiò u, giờ i phong lò u cũng nhò ái nò cò a các nhân viên ngoò i giao và du khách ngò mình trên nhò ng ghò vố ng mây mò i mò c, uò ng chanh soda và nòò c đò a còn tòò i, trông nhò mò t cò nh ò Hawaii. Bên kia đòò ng, sông Sài gòn lò ng lò trời. Tiò ng đò i bác không còn vò ng lò i nò a, và hoò châu cũng thôi loé sáng trong đêm tò i. Nhà hàng nò i Mò Cò nh sò m uò t, tiò ng nói ò n ào cò a thò c khách xen lò n vò i nhò ng tiò ng còò i ròn rã, tiò ng chuông rung tò nhò ng chiò c xe bán đò rong trên bò n; mùi khô mò c nòò ng và mùi nòò c mía vò a mò i cò quyò n lò n vào nhau, làm cho không khí thêm mò i mò c, hò p đò n.

Lò i mò t lò n nò a viò n ò nh hoà bình ló rò ng. Và cò thò , Hiò p đò nh Paris đòò c các cò quan truyò n

thông của Chính phủ mô tả những mặt tích cực cho Việt Nam cộng hòa. Khác với Hiệp định Genève Pháp ký năm 1954 sau thất bại ở Điện Biên Phủ; đằng này Việt Nam cộng hòa đâu có thất bại? Ban Tâm Lý Chiến trên đài đưa ca: "Cờ bay cờ bay trên thành phố thân yêu". Tờ M, các báo chí đăng hàng tit lên "Hoà bình với danh dự" Đài VOA cũng vậy mà phát sóng. Bị t đâu, bị t đâu đưa y mặt trang số mới đã đưa ra rồi.

Thế là đã tới thời hoàng kim?

Bây giờ nhiệm vụ chính yếu là công cộng xã hội và tái thiết kinh tế. Về xã hội, việc bắt đầu là hiệu năng của nền hành chính. Đều hợp tác công tác này chương trình "Cờ tay hành chính" đưa ra. Ông Quách Huân Hà, người đầu tiên giao trách nhiệm, đã cùng với sự tham gia tích cực của Hội Việt Nam Quốc Gia Hành Chính đồng thời với các cơ quan. Công chức mới cấp ngành thay nhau đi tham dự các lớp học tập để nâng cao trình độ chuyên môn trung tâm huấn luyện Vũng Tàu. Trung tâm mới cũng như bộ phận Long Hải thời kỳ đầu. Các việc đưa ra theo luật: tiền quyên và địa phương, phát triển nông thôn, tay súng tay cày, bài trừ tham nhũng. Toàn là những công việc, hết sức hợp lý.

Khi Kinh tế - Tài chính đưa ra các thúc đẩy để phát triển kinh tế đi tới từng bước công. Càng sớm càng tốt. Lúc này công nhân nhìn thẳng vào thực trạng, xem mặt trời, mặt trăng, tranh thủ thời gian để uốn nắn lại những bất quân bình của kinh tế vĩ mô. Muốn vậy, công nhân phải xét toàn bộ quá trình nền kinh tế để chỉ ra cho đúng những nhu cầu và ưu tiên. Nhìn lại con đường mà nền kinh tế Việt Nam đã trải qua trong hai thập niên, tuy nó trải qua, thăng trầm, nhưng cũng đã có những điểm khá sáng sủa. Và bên cạnh những tàn phá lại có những xây dựng, phát triển đáng kể, công việc tốt nhất là con người. Mục tiêu đầu tiên là phát triển, công nhân, chính là vào năm 1980 đã không phải là một thất bại.

Thăng trầm của nền kinh tế thời chiến

Thập niên 1960: từ xuất sang nhập.

Thập niên này được Liên Hiệp Quốc tuyên bố là "Thập Niên Của Phát Triển." Nền lý luận, các nước Á châu như Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Nam Dương, Mã Lai, Singapore và kể cả Nhật Bản, đã nhận được một loạt các dự án mang kinh tế, xã hội. Họ đã vận động nhân lực, lý tưởng công nghiệp làm để thúc đẩy mang kinh tế, thu hút đầu tư và kể từ đầu tiên để công nghiệp. Việt Nam đã mất cả quý báu đó. Tuy nhiên trong những năm đầu thập niên, tình hình kinh tế còn khá triển vọng. Miền Nam vẫn còn xuất khẩu được gạo. Với tổng xuất là 340.000 tấn, năm 1960 đánh dấu mức cao nhất trong lịch sử kinh tế Việt Nam cộng hòa. Trong năm đó, nông thôn bắt đầu thiêu an ninh, xuất khẩu gạo xuất khẩu, và tới năm 1962, còn 85 ngàn tấn. Sau đó, không đáng kể, nhưng vẫn còn là xuất. Từ 1965 trở đi thì xuất đã biến sang nhập, có năm lên tới 760 ngàn tấn. Mặt trời mặt trăng so với thời tiền chiến. Năm cao điểm là 1939: xuất khẩu gạo của riêng Nam Bộ lên tới gần hai triệu tấn. Tới năm 1954 cũng vẫn còn 520.000 tấn (1).

1969-1971: ba năm vàng son.

Khoảng thời gian 1969-1971, tình hình an ninh miền đông bắc của Long thành được tốt, cho phép những người nghĩ tới triển vọng kinh tế lâu dài. Đây là khoảng thời gian cao điểm của nền kinh tế cộng hòa: chương trình "Ngành Cây Có Ruộng" ra mắt ngày 26 tháng Ba, 1970 đã thành công với dự đoán: gần một triệu mẫu ruộng được phân chia cho nông dân (2). Đúng là cho vì nông dân đâu có trở ngại.

Chính phủ bán công khai phí để lý luận mua lại ruộng để chia cho nông dân. Điện ch nào có quá 15 mẫu phải bán đi còn lại. Bộ không khí nông thôn nao nức. Mặc dù chiến tranh vẫn còn, nhưng quyên số ruộng để có tác động hết sức mạnh mẽ. Đang tá đấn, bắt đầu triển vọng nông dân trở thành gia chủ. Nhưng làm tá đấn là ăn chắc, còn địa chủ lại phải

lo. Vì c s h u nó có hai m t: đ c h ng tr n v n k t qu mình làm ra. nh ng ng c i, cũng ph i gánh vác r i ro c a mùa màng, th i t t. Ng i "tân đ n ch " v t v , lam lũ:

Ng i ta đi c y l y công,
Tôi nay đi c y còn trông nhi u b .

Trông tr i, trông đ t, trông mây,
Trông m a, trông gió, trông ngày, trông đêm...

Ng i nông dân chăm ch làm ăn nh v y nên k t qu trông th y. Khi ch ng trình Ng i cày có ru ng k t thúc vào tháng Ba, 1973, b m t nông thôn đã tr nên sinh đ ng.

Có ông giáo s M nói v i chúng tôi: "Ng i nông dân Vi t nam toàn là con cháu Adam Smith". Nhà kinh t ng i Anh n i ti ng Adam Smith (th k 18), đ c coi nh cha đ c a kinh t th tr ng. Ông đ t đ ng l c c nh tranh c a n n m u d ch t do d a trên quy n t h u, là y u t căn b n nh t c a phát tri n kinh t (3).

Thêm vào đó tà li n b k thu t: lo i lúa gi ng IR-3 phát xu t Phillippines đ c đ em vào đ ng b ng C u Long. m t s n c h u ti n khác mà chúng tôi có đ p quan sát t i ch khi còn làm vi c cho Qu ti n T Qu c t , th t là r t khó nh c cho nông dân ch p nh n nh ng k thu t m i. H không mu n thay đ i cung cách làm vi c, bám ch t l y nh ng ph ng pháp s n xu t mà h quen thu c. Đ ng này, dù đã tr ng lúa c truy n c vài ba ngàn năm, đ n lúc th y có gi ng m i, nhân dân mi n Nam v i vàng h ng ng. Và h ng ng r t nhi t li t, đ t ngay tên lúa là "th n công". C cho đ phân bón, l ng n c cho đ ng m c là nó lên đ y đ ng. Cây lúa không cao nh lúa c truy n, nh ng b b m, d o dai. Khi có bão t nó n m r p xu ng, ch khi bão qua, l i đ ng th ng lên. T i mùa g t mà ng i ta v C n Th , An Giang xem thì th t là s ng m t: "Cánh đ ng mênh mông, cánh đ ng bát ngát, ôi cánh đ ng dào d t lúa th m n ng".

Đ n năm 1971 thì lúa th n nông đã ph đ c trên 2,6 tri u m u ru ng, b ng 42% di n tích canh tác r i. Hai đ ng l c này đ y m nh s n xu t thóc lên trên b y tri u t n, cao h n năm 1966 là 63%. Nh p c ng g o l p l c xu ng ch còn 160.000 t n. V i đ ã này thì ch ng m y lúc n a là đã đ g o ăn và có khi còn đ đ xu t c ng (4).

Nhi u quan sát viên qu c t ã cho ch ng trình "Ng i cày Có ru ng" là m t trong nh ng ch ng trình c i cách đ i n đ a thành công nh t c các n c h u ti n (5). Nó là đ i m vàng son c a n n Đ nh C ng hoà. Bao nhiêu hy v ng! B i t đ ãu ch ng m y lúc n a, ánh bình minh l i ch ng chi u r i kh p thôn quê? Cu i năm đó, m t ch ng trình phát tri n kinh t h u chi n do nhóm nghiên c u Lilienthal - Vũ Qu c Thúc đ c c quan vi n tr Hoa k USAID tài tr ã ra m t. Ng i ta b t đ u nghĩ t i phát tri n lâu dài.

Mùa hè đ l a 1972

Dân chúng Vi t nam ăn cái t t năm Nhâm Tý khá vui v . Pháo n r n rã. Bánh ch ng, th t m , d a hành câu đ i đ , không có gì là thi u. Tháng Giêng là tháng ăn ch i, m i t i tháng hai m i đi tr ng đ u, tr ng khoai, tr ng cà. Đ u ph ng m c nhanh nên tháng ba là đ u đã già và "ta đi ta hái v nhà ph i khô".

Nh ng r i nào có đi hái đ u. Tháng ba năm đó đ i bác l i n r n tr i trên vùng vĩ tuy n. Chi n tranh b ng leo thang, b t đ u t cu c "T n công mùa Xuân" c a quân đ i B c Vi t t i Qu ng Tr . Lúc này, thay vì th công, Vi t nam c ng hoà l i chuy n sang th th . Đ ã ti n tri n kinh t b ng kh ng l i gi a "mùa hè đ l a". Trên 200 c u b h h i, bao nhiêu cây s đ ng xá b phá hu , 40% s n xu t cao su b m t vì r ng cao su đã tr nên bãi chi n tr ng. Thêm m y trăm ngàn ng i n a t mi n vĩ tuy n ch y vào phía nam, làm cho s ng i di c tăng v t lên 1,2 tri u. Áp l c nhu c u ti p t càng thêm n ng n : l ng th c, n c u ng, thu c men, v sinh, l u tr i.

Năm y l i là năm m t mùa vì h n hán! Nh p c ng g o nh y lên 284.000 t n (6).

Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm 1972, tình hình nội trị nên tốt đẹp hơn, và nền kinh tế bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi. Thời khí cởi mở dần dần linh thiêng, sự cởi mở của nhân dân dần dần mở rộng. Các mặt nội ngoại tìm cách hồi sinh. Sự cởi mở dần dần, ý chí kiên trì dần dần quyết tâm phấn đấu.

Nền kinh tế giao thời: 1973

Nói chung, nhìn vào kinh tế miền Nam lúc giao thời thì chi phí tranh sang "hữu chí", thì có Mặt trận không có Mặt, ta thấy có sáu đặc tính rõ ràng(7):

Thứ nhất là cởi mở chuênh lệch: nghiêng hẳn về cung cấp dịch vụ, tăng trưởng tăng trưởng 55% tăng trưởng sản lượng quốc gia (GDP). Đặc biệt là dịch vụ quốc phòng, hành chính, quân đội Đàng Minh. Sản xuất hàng hoá, vật tư công nghiệp có là bao;

Thứ hai là mức thu nhập vào nhập công: ngoài gạo còn xăng dầu, phân bón, xi măng, hàng tiêu thụ, vật liệu sản xuất. Tất cả tăng trưởng tăng trưởng với hình thức mua hàng sản phẩm hàng hoá. Trung bình là phần nhập 750 triệu đô la mỗi năm, khoảng 40 đô la đầu đầu trên đầu người (nên như đây là đầu đầu đô la với mỗi người (y). Đàng khi đó xuất công (cao su, trà, hàng sản, lông vịt) chỉ vào khoảng 4%-5% nhập công;

Thứ ba là mức tiết kiệm sản xuất sản phẩm: trung bình tăng trưởng -5% tăng trưởng sản lượng quốc gia GDP. Lúc còn hoà bình, nó là sản phẩm. Có năm đã lên tới +6% GDP (1960). Khi không còn tiết kiệm thì đầu tư cho phát triển phần tư thu nhập vào tiến bộ bên ngoài;

Thứ tư là gánh nặng kinh tế của nhân dân chi phí của: đoàn người di tản thì những vùng thiêu an ninh, đặc biệt là miền Trung, đã lên tới vài triệu. Một số đông di tản và thành thị, làm sản phẩm tăng lên tới 40% tăng trưởng dân số (năm 1960 chỉ có 22%). Kết quả là thất nghiệp cao thành thị (14%) cùng với những đoàn xã hội đi kèm. Đàng khi đó nông thôn thì thiêu an ninh canh tác;

Thứ năm là gánh nặng quốc phòng: tình trạng an ninh "hữu chí" còn đòi hỏi một nhu cầu quốc phòng quá lớn, chi tiêu tới 50% ngân sách (242 tỷ đồng).

Tài trợ cho phát triển chỉ còn 9% (66 tỷ đồng). Riêng vấn đề nhân lực: 1,2 triệu thanh niên còn phải vac súng, chưa kể 310.000 công, thì chưa. Ngoài ra còn sản phẩm di tản kể trên, tất cả cũng vượt 30% nhân lực lao động.

Thêm vào năm điếm này phần kể thì một điếm quan trọng khác:

Thứ sáu, tâm lý dựa vào viện trợ: nhìn lại giai đoạn thập niên 1960, ta thấy cái tâm lý này nó đã mau bén rễ. Nền kinh tế Việt nam bé nhỏ, hữu tiện, sản xuất căn bản là nông nghiệp. Khi quân đội Mặt trận kéo sang, nhu cầu quốc phòng, tiêu dùng, xây dựng hàng công nghiệp vật. Mà sản xuất nội địa còn yếu kém, căn bản chỉ là gạo thóc. Để tránh tình trạng khan hiếm, làm phát phi mã thì chỉ còn cách nhập hàng hoá từ ngoài vào. Những hàng nhập quá nhiều và quá nhanh. Tài trợ nhập hàng hoá gồm bốn nguồn: viện trợ nhập công (CIP)(Capital Improvement Projects có nghĩa là những dự án chính) + viện trợ thực phẩm phần sản phẩm hoà bình + viện trợ dự án + số đô la phía Mặt mua tiến Việt nam. Tổng số này đàng 162 triệu năm 1964 tăng lên tới 830 triệu năm 1966, cao hơn năm trước. Tiến bộ dần dần, cởi mở mà xài. Chi tiêu công cũng như có bộ phận.

Cả Sài Gòn công nghệ thị trường: radio, TV, tủ lạnh, máy điếu hoà không khí. Báo chí ngoài quốc gia Sài Gòn là Hondaville. Ngoài nhập công, nội còn một nguồn khác: thu nhập lá, rượu miền, đồ gia dụng từ hàng thị trường liên PX liên ra thị trường. Các tăng trưởng công nghiệp căn cứ Long Bình mà xem thì rõ.

Chính sách kinh tế thị trường hay đặc tính toán dựa theo dự phóng xem sản phẩm đô la sản phẩm vào nền kinh tế là bao nhiêu.

Sự kiện này làm tăng lên công nghệ dựa tâm lý thu nhập kinh tế VN tại hải ngoại, nó nội mang tới những cái hay tham những cho những người, mà nội tăng trưởng, trở thành ung nhọt xã hội.

cho nền kinh tế thị bình. Việc chuyển nhượng kỹ thuật trong thị trường đã thể hiện rõ ràng ở Nhật. Quân đội Mỹ đóng ở Nhật sau chiến tranh và chiến tranh Bắc Hàn đã giúp cho nhân công Nhật Bản tiếp thu được kỹ thuật lắp ráp xe tải, xe tăng. Đội ngũ này sau chuyển sang làm xe hơi, xây dựng công trình tranh với xe Mỹ, Đức. Ở Miền Nam, nhiều năm chiến tranh đã giúp có biết bao nhiêu tay nghề: xây dựng, máy móc, lắp ráp, sửa chữa, truyền tin, kỹ thuật. Đội ngũ thợ xây dựng Đà Nẵng được các nhà thầu ngoại quốc khen ngợi. Khi Công Binh tiếp nhận được ngành nghề cao và xây dựng đường xá, cầu cống, nhà cửa. Rồi đoàn phi công bay trực thăng, máy bay với tải, khu vực, phần lớn F5, ra chiến trường thì can đảm, đến khi lái máy bay dân số có chiêu đãi viên lo cà phê, cơm nước thì lại càng vì vút hơn.

Hệ thống cơ sở

Một kết quả tốt của chiến tranh là mang lại cho Miền Nam một hệ thống cơ sở khá tốt, giúp phát triển kinh tế lâu dài. Xây dựng hệ thống là rất tốn phí và mất thời gian. Toàn bộ quá trình xây dựng cái cầu: từ lúc làm dự án tiến hành thi, từ lúc đánh giá, rồi làm dự án thi, tìm nguồn tài trợ, thẩm định thuyết, đi vay, thi xây dựng, lúc xong trung bình cũng phải mất năm năm. Đó là một lý do tại sao lại hay có "kỳ hoạch ngũ niên".

Như cầu quân sự trong chiến tranh đòi hỏi xây dựng nhiều phi trường. Ngoài những phi trường lớn như Tân Sơn Nhất, Cam Ranh, Đà Nẵng, Cần Thơ có thể tiếp nhận phần lớn để lo ngại còn có những phi trường nhỏ ở Đà Lạt, Huế, Kontum, Phú Quốc. Pleiku, Rừng Giá, và Qui Nhơn. Cầu thêm vào là kho tàng 100 sân bay tỷ hơn, rồi rác khắp nơi, rất tốn cho việc liên lạc giữa các địa phương (10).

Với việc chuyển nhượng kỹ thuật thì miền Nam có tới 4.780 cây số sông, rạch (3.000 dặm Anh). Kho tàng một nửa là sông ngòi, nửa kia là kinh, rạch. Đó là hệ thống tiếp giao thông rất tốt nhất và thuận lợi cho nông, ngư dân. Hệ thống lớn gồm Sài Gòn, Cam Ranh, Đà Nẵng, Nha Trang, Rừng Giá. Những địa điểm rất tốn cho tàu bè công bố, tiếp vận cho miền đông theo gôn 1.000 cây số biển và duyên hải. Nguồn lực trong thực tế là những công nhân này lại có thể đáp ứng hết nhu cầu hàng hải của Lào, bán khoán chốt trong đất liền, miền Đông Kampuchia, và có thể chiếm đóng bán Thái Lan.

Còn đường xá, các nước có hệ thống trong thực tế đường xá miền Nam mà thềm. Tổng cộng có tới 21.000 cây số đường (khoảng 13.000 dặm), trong đó gồm 9.500 cây số đường nhựa, đi được quanh năm. Cầu các loại to, nhỏ bắc qua sông tới gần 4.000 cây rất nhiều cầu đã bắc xong, những sửa chữa lại thì cũng nhanh. Tính ra cũng có tới gần 170.000 xe tải và trên 51.000 xe hành khách lưu thông trên hệ thống đó.

Việc thông qua một nền kinh tế phần lớn

Vì tài nguyên và con người như vậy, nên Miền Nam thực sự đã có triển vọng phát triển một nền kinh tế phần lớn, hết bản địa thu.

Với hệ thống cơ sở, không phải là ông Trời không có đất. Có đất là tiềm năng nằm đó mà chờ khai thác ra được. Trên con đường tiếp thị tức là công nghệ, có hai cửa quý Trời phú: túi dũ nằm ở thềm lục địa và Vịnh Cam Ranh.

Kho tàng dầu lửa: tài nguyên Trời cho

Cho dù không bằng túi dũ của Indonesia, một nước trong khối OPEC, tiềm năng dầu lửa, dầu khí trong một vùng rộng 500.000 cây số vuông của thềm lục địa Miền Nam không phải như.

Năm 1973, vựa hồ lên đã có bao nhiêu hãng dầu quốc tế nhẩy vào, bắt chấp là tình hình an ninh chưa ổn định. Hai vòng dầu thu năm đó cũng đã mang lại được 17 triệu đô la. Vào lúc liên đang cơn, giá trị tâm lý của số tiền này còn lớn hơn nhiều hơn. Đến tháng năm 1974, số tiền lên tới 30 triệu.

Chính phủ chấp giục phép cho sáu tập hợp công ty dầu lửa được khai thác 13 địa điểm trong một

khu vực 82.000 cây sồi vuông.

Đây mới chỉ là 16% của thềm lục địa.

Đến cuối 1974, tất cả các công ty đều hoàn thành nghiên cứu chi tiết về địa chất. Theo hợp đồng, các công ty khoan thử nghiệm bắt đầu khoan thử nghiệm trong vòng 24 tháng kể từ lúc hợp đồng có hiệu lực. Thế mà hai công ty trúng thầu đầu tiên đã bắt đầu khoan mới năm trước khi nhận chốt: Pecten vào tháng Tám, và Mobil, tháng 10.

Chỉ hai tuần, vào ngày 17 tháng Tám 1974, Pecten đào trúng ngay dầu ở lô 08-TLD, đặt tên là HÔNG-X. Kể từ khi có dầu dưới độ sâu 1.374 mét. Rồi giếng thứ hai, D A I-X, trong cùng một diện tích lại tìm được khả năng dầu thô và dầu khí cao hơn. Thế nghiệm cho thấy tất cả có hai nguồn: một nguồn có thể khai thác ngay 1.514 thùng dầu thô mỗi ngày và 5,8 triệu thùng khí Anh (cubic feet) dầu khí mỗi ngày. Sau đó, lô D A I-x được chính thức tuyên bố chính xác là "màu dầu". Hãng Pecten rất vui mừng, nên tiến hành khai thác ngay lô 06-LTD, và đã tìm thấy có dầu hiệu còn quan trọng.

Tháng 10, 1974 hãng Mobil khoan giàn B CH H 1, tại lô 04-TLD, tìm được "lượng dầu quan trọng" dưới độ sâu trên 2,7 cây sồi (9.000 feet). Tin mừng của thềm liên tục. Hãng Marathon và Union Texas quyết định khoan giếng đầu vào cuối 1974. Hai hãng Esso và Sunningdale có kế hoạch khoan dầu vào tháng 4-1975! Các tính là vào cuối 1975, sẽ có ít nhất 20 dàn khoan. Sản xuất mới của ngành dầu khí quan trọng được bắt đầu muộn hơn là vào cuối năm 1977.

Có lần chúng tôi được một hãng khoan dầu mời ra xem dàn khoan ngoài khơi. Trên chuyến trực thăng, tôi hỏi anh phi công Pháp: "Anh nghĩ Việt nam có dầu không?" Anh vui vẻ trả lời tôi không biết rõ, nhưng theo kinh nghiệm làm việc cho các hãng dầu lớn của anh, tôi thấy nơi nào có dầu thì là có dầu lớn". Nghe thốt mát ruột. Anh ta còn thêm: "Tôi nghĩ rằng quý ông có cần dầu lớn không? Đàng Bàng Càng Long nữa". Thế họ không biết, nhưng đầu năm 1975, có người đi giếng thí nghiệm công ty ngoại quốc (mà hiện tôi không nhớ là hãng nào) tại văn phòng để bàn về chuyến này. Họ nói "chúng tôi nghiên cứu số liệu và tin rằng có dầu lớn, dầu khí ở vùng Càng Long".

"Đâu?" tôi vui vẻ hỏi. "Chúng tôi không thể trả lời ông được, vì phải chi phí tiền kém mới có những thông tin này". Họ đồng ý Chính phủ hai điểm: thứ nhất, cho công ty đào ngay mà không phải qua thủ tục dầu thô, hành chính rườm rà; thứ hai, khi khai thác được dầu sẽ chia đôi, một nửa cho công ty, một nửa cho Chính phủ. Tôi nói ngay với Tổng thống Thiệu về việc này. Ông tỏ vẻ vui mừng nói "trong lúc này, ai làm được gì giúp ích là phải cho ngay."

Tin tức về dầu lớn luôn được báo chí đăng lên trang đầu. Truy cập hình chiếu những cơn bão dầu khoan bên ngoài khơi, những ngọn đuốc đốt bùng dầu khí chiếu sáng vòm trời vào đêm khuya. Trong khung cảnh tối tăm cuối năm 1974, những ngọn đuốc này cũng mang tới một tia sáng loé lên trong tâm trí người dân quân Miền Nam.

Vịnh Cam Ranh

Vịnh Cam Ranh được coi là vịnh có nước sâu, đẹp và tốt nhất ở Đông Nam Á. Ngay cả ta còn so sánh Cam Ranh với Vịnh San Francisco ở Mỹ. Thế là Pháp thu xếp, ngân sách các nước thu xếp địa eo hẹp, tuy biết triển vọng của vùng này, nhưng họ vẫn chờ đợi, chờ dùng một công nghệ cho vài chiếc tàu hải quân Pháp. Cách Sài Gòn 400 cây sồi, Vịnh nằm vào vĩ tuyến 12, gần ngay trục giao thông hàng hải quốc tế Singapore, Hồng Kông, Thượng Hải, Yokohama. Cam Ranh cách xa trục này chỉ một giờ từ biển, trong khi Vũng Tàu cách ba giờ, Hải Phòng cách tám giờ. Vịnh có chiều sâu trung bình từ 18 tới 20 mét. Chiều sâu nhất là 30 mét. Hải sản nơi đây phong phú, nổi tiếng là tôm hùm Bình Ba và sò Trà Long. Ngoài ra còn nguồn cát trắng với chất lượng cao rất là phong phú. Dựa theo bề biển năm sáu cây sồi, mỏ cát Thuộc Triều nằm ở phía Bắc bán đảo Cam Ranh. Nơi đây có cát trắng với độ sạch tới 99%, là nguyên liệu dùng sản xuất

pha lê loại tinh khiết và thu tinh quang học. Ngoài ra còn có khoáng chất thạch anh (quartz) quý giá, dùng làm đồng hồ chính xác. Tôi còn nhớ mãi khi gặp ông Địch Sĩ Nhứt, thầy ông chày hay hỏi han về tiến trình phát triển "Vùng Vàng". Sau này tôi mới biết là vẫn có Hiệp hội đình chiêng là đã có một công ty Nhứt vào làm nghiên cứu kỹ thuật cho một dự án hóa dầu (petrochemical).

Vịnh Cam Ranh là một bình phong chắn gió an toàn cho tàu bè trú ẩn khi bão tố. Cửa biển vào vịnh rộng ba cây số, sâu 20 mét, không có phù sa bồi. Vào thời "Nhứt Nga Chiêng", năm 1905 hạm đội Nga do Đô đốc Z.P. Rozhestvensky chỉ huy trên đường đi đánh trận hải chiến Tsushima, đã vào Cam Ranh trú ẩn. Năm 1941 Nhật chiếm đóng Cam Ranh rồi rút năm 1945. Nga tiếp tục nhòm ngó. Mùa xuân 1975, vào lúc tình hình căng thẳng nhất, ngày 23 tháng Ba, giữa một buổi họp trong văn phòng Tổng thống Thiệu, Đô đốc Võ Văn Kiệt, Chánh Văn phòng gõ cửa vào đưa một báo cáo tóm tắt Trung cho ông Thiệu: hải quân ta vẫn phát hiện có máy bay trực thăng Nga bay thám thính trên không phận Vịnh Cam Ranh".

Ông Thiệu nói sùng, "Đó nó bay đi rồi còn báo cáo gì nữa!"

Bán đảo Cam Ranh

Hai mươi năm sau khi Nhật rút khỏi Cam Ranh, quân đội Mỹ vào xây dựng một công trình vĩ đại. Với diện tích 260 cây số vuông (100 square miles), bán đảo này giống như hình một cái chai, có chiều dài 12 cây số và chiều ngang bề rộng cây số ở đầu mũi nhọn. Một hệ thống tiếp liệu rất lớn gồm các kho nhiên liệu, kho đạn, xưởng đóng tu xe tăng, nhà máy điện, khu nhà ở, giới trí thức xây dựng. Thêm vào là phi trường quân sự thật lớn. Sân bay có hai đường băng 3.200 mét, phi trường nào đáp xuống cũng đổ vỡ. Hệ thống đường bộ chằng chịt, giao thông rất thuận tiện. Là một bán đảo, hai bên là biển mà lại có hệ thống an ninh nghiêm ngặt, và ở trên đường xuyên hàng trăm ngàn mét khơi. Đó là Hố Ao Hổ rộng 250 mét, dài 1,5 cây số. Vào cuối mùa khô tính ra cũng còn gần 300 triệu ga-lông nước. Nhờ một nước ngọt trong lòng đất nên cây cối xanh tươi. Ngoài hồ, còn một sông giống nước do quân đội Mỹ đào, dài thành 10 dặm cung cấp nước ngọt cho 15.000 lính.

Hệ thống Cam Ranh

Công trình này là một trong ba công trình thiên nhiên tuyệt vời nhất thế giới, đứng sau Sydney (Úc) và hẻm Rio de Janeiro (Brazil). Ngoài bốn bến tàu (trong chín bến lúc đầu) còn một, còn có nhiều cửa tàu có thể biến neo bến cảng hàng hoá, và 14 phao nổi để cột xuồng chèo chèo.

Khi Mỹ trao lại cho Việt Nam công trình hoà vào tháng Sáu thì bán đảo Cam Ranh là một cửa quý. Đã có sẵn một hệ thống lớn, và a gôn biển, và cách biển, lại có một hệ thống cửa số năm sát bên để phát triển kỹ nghệ, du lịch, thu hút hải sản, đóng tàu, sửa tàu, vận tải thông thuyền hàng hải. Cam Ranh còn có hệ thống ra đa tìm tằm, hệ thống thông tin liên lạc qua Thái Lan. Philippines bằng giấy cấp phép xuyên biển, hệ thống hợp tác với các nhà đầu tư quốc tế. Bất ngờ ngay lập tức hải, phía Việt Nam công trình hoà yêu cầu Cơ quan Việt Nam Trại Hoa Kỳ SAID tài trợ một nghiên cứu kỹ thuật, một dự án tiềm năng kỹ thuật, nhằm biến đổi một phần của bán đảo Cam Ranh, thành một khu công nghiệp.

Theo kết quả nghiên cứu thì Cam Ranh có thể phát triển theo nhiều giai đoạn.

Giai đoạn đầu là phát triển một khu công nghiệp kho bãi 2.000 mẫu tây gồm khu nhà máy, khu nhà ở, giới trí, khuôn viên bờ biển thiên nhiên. Công trình đã có sẵn. Khu kỹ nghệ có thể cho thuê để ngay gồm 480 mẫu tây một bãi, công viên 85.40 mét vuông nhà xưởng. Vì không phải một tiến độ bù đắp di dân, cũng không phải xây dựng hệ thống cửa số, nên dự án tiến độ kiêu mẫm thực hiện và ít tốn kém. Chỉ trong hai năm là xong. Chi phí lợi nhuận: kho bãi 10 triệu đô la, trong đó số tiền thông đường bộ và tríu là tiền Việt Nam để trả nhân công, chi phí nội địa. Chỉ cần ba triệu đô la trả tiền kỹ thuật và vận tải như phần công là đủ. Trong giai đoạn đầu có thể cho phát

triển khai ngành. Đúc biệt là công nghiệp hoá-dầu, amonium, phân Urea, Natri cacbonat khan (soda ash), khai khoáng kính để cho các công trình kiến trúc. Tất cả những nhà máy này trên khoãng 155 triệu đô la để xây dựng và chôn trong vòng năm năm là có thể bắt đầu hoạt động sản xuất.

Thực ra, không phải đến tận sau năm năm: đang phát triển giai đoạn đầu là đã có thể làm những bước cho giai đoạn hai, nhúng vào khai khoáng nhôm, chế biến. Khách đầu tư sẽ đổ xô vào "vùng Vịnh" Việt nam. Rồi thì những ngành như nông nghiệp, thép, khai khoáng dầu, kết hợp với các dàn khoan dầu ngoài khơi.

Công Cam Ranh dần dần sẽ được tiến hành. Tất cả những bước, công trình nghiên cứu kết luận: "Phát triển cho đúng mục, tiềm năng của công Cam Ranh bằng Singapore, nó sẽ là công Hoàng Kông thế hai."

Tóm lại, nếu chúng ta toàn bộ những yếu tố tiêu cực, tích cực thì hình ảnh của nền kinh tế Miền Nam thì "huyền diệu" không phải là đen tối. Trái lại có thể nói là có nhiều triển vọng, nhiều nhà kinh tế đã dự đoán rằng Miền Nam hiện đang đi vào kiến tạo tiến bộ thì chỉ thoát khỏi tình trạng hỗn loạn, cũng giống như Đài Loan, Nam Hàn. Và việc phát triển sẽ mất ít thời gian hơn là các quốc gia kia, mất phần vì đã có sản phẩm xây dựng hàng loạt dự án. Lại còn thêm của Triều cho. Quan sát thì chỉ, Đới sẽ Martin đã phát biểu cho ký giả tuần báo U.S. News and World Report (11):

"Đôi khi ta thấy trong cùng một quốc gia có sự phân hợp giữa tài nguyên phong phú, mất hàng nghìn hành chính có quy mô tâm vĩ mô những chính sách kinh tế hợp lý mất dân tộc thông minh, khéo léo, và hết sức dẻo dai, với mất khả năng công nghệ biến đổi, mất quy mô lâm mạnh liệt và tha thiết báo tử do của mình.

"Khi có mất kết hợp như vậy, như hiện đang có ở Miền Nam Việt nam, thì chế độ mất nguỵ tài chính thế ngoài vào làm vai trò tác động, đến với kết quả những yếu tố này lại với nhau thì có thể có những kết quả thật là xuất sắc"

Thực vậy, vào thời điểm đó, một tiêu tiến bộ được lập về kinh tế sau mất kết hợp ngũ niên (1975-1980) là rất có thể tin được Bộ Kế hoạch tính là chế độ có nguỵ tài chính khiếm khuyết khoãng 700 triệu đô la mất năm để giúp tài trợ cho kế hoạch này là "bung ra" được rồi (take-off). Từ 1980, miền Nam sẽ không còn phải dựa vào Hoa Kỳ nữa.

Như vậy, chúng ta nguỵ tài chính này tính ra là 3,5 tỷ đô la (700 triệu cho năm năm), xấp xỉ bằng số tiền ngân quỹ Việt nam ngoài đang gửi hàng năm về cho thân nhân ở Việt nam ngày nay.

Chú thích:

(1) Về sản xuất gạo của hai miền Nam, Bắc, xem Nguyễn Tiềm Ước, Economic Development of socialist Vietnam, 1975-1980, trang 3-16 và Haut Commissariat de France Pour L'Indochine, Annuaire Statistique de L'Indochine, 1939-1940.

(2) Nguồn: USAID.

(3) Sách nổi tiếng của Adam Smith là The Wealth of nations (1776).

(4) Tài liệu Bộ Kế hoạch, VNCH, và USAID.

(5) Nguồn: USAID.

(6) Nguồn: USAID.

(7) Nghiên cứu của tác giả.

(8) Xem Business International Asia/pacific Ltd., Risks and Rewards in Vietnam's Market trang 13.

(9) Tài liệu Bộ Kế hoạch, VNCH, và USAID.

(10) Business International Asia/pacific Ltd., Risks and Rewards in Vietnam's Market, trang 74.

(11) J. U.S. News and World Report, 29 tháng 4, 1974.

h t: Phần II - Chương 5, xem ti p: [Phần II - Chương 6](#)